

Phụ lục

GIÁ CHO THUÊ CỤ THỂ NHÀ Ở THUỘC TÀI SẢN CÔNG ĐƯỢC BỎ TRÍ SỬ DỤNG TRƯỚC NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 1994 CHƯA ĐƯỢC CẢI TẠO, XÂY DỰNG LẠI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quy định giá cho thuê Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công, khung giá cho thuê nhà ở công vụ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk)

1. Giá cho thuê 1m² diện tích sử dụng nhà ở tại khu vực trung tâm (đồng/tháng)

a) Đối với nhà cấp III.

Điều kiện hạ tầng kỹ thuật	Phường Buôn Ma Thuột, Phường Tân An, Phường Tân Lập, Phường Thành Nhất, Phường Ea Kao				Phường Tuy Hòa, Phường Phú Yên, Phường Bình Kiến				Phường Xuân Đài, Phường Sông Cầu				Phường Hòa Hiệp, Phường Đông Hòa, Phường Buôn Hồ, Phường Cư Bao			
	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4
Tốt	16.800	15.600	14.400	13.200	6.710	6.100	5.795	5.185	6.405	5.795	5.490	4.880	6.100	5.490	5.185	4.575
Trung bình	14.400	13.800	13.200	11.400	6.100	5.490	5.185	4.575	5.795	5.185	4.880	4.270	5.490	4.880	4.575	3.965
Kém	13.800	12.600	12.600	10.200	5.490	4.880	4.575	3.965	5.185	4.575	4.270	3.660	4.880	4.270	3.965	3.355

b) Đối với nhà cấp IV

Điều kiện hạ tầng kỹ thuật	Phường Buôn Ma Thuột, Phường Tân An, Phường Tân Lập, Phường Thành Nhất, Phường Ea Kao		Phường Tuy Hòa, Phường Phú Yên, Phường Bình Kiến		Phường Xuân Đài, Phường Sông Cầu		Phường Hòa Hiệp, Phường Đông Hòa, Phường Buôn Hồ, Phường Cư Bao	
	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 1	Tầng 2
Tốt	11.400	10.200	4.510	4.100	4.305	3.895	4.100	3.690
Trung bình	10.200	9.600	4.100	3.690	3.895	3.485	3.690	3.280
Kém	9.600	8.400	3.690	3.280	3.485	3.075	3.280	2.870

2. Giá cho thuê 1m² diện tích sử dụng nhà ở tại khu vực cận trung tâm (đồng/tháng)

a) Đối với nhà cấp III

Điều kiện hạ tầng kỹ thuật	Xã Hòa Phú				Xã Xuân Thọ, Xã Xuân Lộc, Xã Xuân Cảnh				Xã Hòa Xuân, Xã Ea Drông			
	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4
Tốt	15.300	13.770	13.005	11.475	5.795	5.185	4.880	4.270	5.490	4.880	4.575	3.965
Trung bình	13.770	12.240	11.475	9.945	5.185	4.575	4.270	3.660	4.880	4.270	3.965	3.355
Kém	12.240	10.710	9.945	8.415	4.575	3.965	3.660	3.050	4.270	3.660	3.355	2.745

b) Đối với nhà cấp IV

Điều kiện hạ tầng kỹ thuật	Xã Hòa Phú		Xã Xuân Thọ, Xã Xuân Lộc, Xã Xuân Cảnh		Xã Hòa Xuân, Xã Ea Drông	
	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 1	Tầng 2
Tốt	14.175	12.825	3.895	3.485	3.690	3.280
Trung bình	12.825	11.475	3.485	3.075	3.280	2.870
Kém	11.475	10.125	3.075	2.665	2.870	2.460

3. Giá cho thuê 1m² diện tích sử dụng nhà ở tại khu vực ven nội (đồng/tháng)

Điều kiện hạ tầng kỹ thuật	Các xã còn lại					
	Nhà cấp III				Nhà cấp IV	
	Tầng 1	Tầng 2	Tầng 3	Tầng 4	Tầng 1	Tầng 2
Tốt	5.490	4.880	4.575	3.965	3.690	3.280
Trung bình	4.880	4.270	3.965	3.355	3.280	2.870
Kém	4.270	3.660	3.355	2.745	2.870	2.460